

KINH TẶNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 33

Phẩm 39: ĐẰNG PHÁP

KINH SỐ 1¹

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp, ở trong hiện tại thọ lạc vô cùng, muốn dứt sạch các lậu, cũng có thể được. Những gì là bảy pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, lại có thể tự biết, lại có thể biết đủ, lại biết và đại chúng, quán sát người². Đó gọi là bảy pháp.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp là chỉ Khế kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Nhân duyên, Ví dụ, Bản mạt, Quảng diễn, Phương đẳng, Vị tầng hữu, Quảng phổ, Thọ quyết, Sinh kinh. Tỳ-kheo không biết pháp, không biết mười hai bộ kinh, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể hiểu rõ pháp nên gọi là biết pháp. Như vậy, Tỳ-kheo hiểu rõ pháp.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Ở đây, Tỳ-kheo biết ý thú của Như Lai, hiểu rõ nghĩa sâu, không có điều gì nghi ngờ. Tỳ-kheo không hiểu nghĩa, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể biết nghĩa sâu nên gọi là hiểu nghĩa. Như vậy, Tỳ-kheo có thể phân biệt nghĩa.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết khi nên tu Quán thì tu Quán, khi nên tu Chỉ thì tu Chỉ, nên im lặng biết im lặng, nên đi biết đi, nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước, nên nói biết nói. Tỳ-kheo không biết những việc ấy, không biết thích hợp tu Chỉ, tu Quán, tiến, dừng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết thời tiết ấy thì không để mất thời cơ thích hợp, đó gọi là biết tùy thời thích hợp. Tỳ-kheo như vậy là biết thời nghi.

Sao gọi là Tỳ-kheo có thể sửa mình? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự biết mình, nay ta có sự thấy, nghe, nghĩ, biết này, có trí tuệ như vậy,³ đi, bước, tiến, dừng thường theo chánh pháp. Tỳ-kheo không thể tự biết thích ứng theo trí tuệ mà ra, vào, đi, đến, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể tự tu, tiến, dừng đều thích hợp, đây gọi là tự biết tu dưỡng. Đó gọi là Tỳ-kheo tự biết mình.

¹. Pāli, A.VII. 68 Dhammaññū (R.iv. 113). Hán, *Trung*, kinh 1.

². Pāli: Dhammaññū (biết pháp), atthaññū (biết nghĩa), attaññū (biết mình), mattaññū (biết tiết độ), kālaññū (biết thời), parisāññū (biết đại chúng), puggalaparoparaññū (biết sự cao thấp của người). *Trung*, k.1: Tri pháp 知法, tri nghĩa 知義, tri thời 知時, tri tiết 知節, tri kỹ 知己, tri chúng 知眾, tri nhân thắng như 知人勝如.

³. *Trung*, ibid.: Tỳ-kheo biết mình: “Ta có tín, giới, thí, vấn, huệ như vậy...” Pāli: Bhikkhu attānaṃ jānāti-’ettakomhi saddhāya sīlena sutena cāgena paññāya paṭibhānenā’ti.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Sao gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự điều hòa việc ngủ nghỉ, tỉnh thức, ngồi, nằm, kinh hành, cách tiến dừng, đều có thể biết dừng đúng lúc. Tỳ-kheo không thể biết những việc ấy thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này hiểu rõ những việc này nên gọi là biết đủ. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt đại chúng: Đây là dòng Sát-lợi, đây là chúng Bà-la-môn, đây là chúng Trưởng giả, đây là chúng Sa-môn. Ta nên dùng pháp này mới thích hợp với chúng ấy, nên nói hay nên im lặng, tất cả đều biết. Tỳ-kheo không biết vào chúng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo ấy biết vào đại chúng nên gọi là biết vào chúng. Đó gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết căn nguyên mọi người? Tỳ-kheo nên biết có hai hạng người. Những gì là hai? Hoặc có một người muốn đến già-lam để thân cận Tỳ-kheo; người thứ hai không thích đến đó gặp gỡ Tỳ-kheo. Người muốn đến trong vườn kia, thân cận Tỳ-kheo, là người tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, tuy đến chỗ Tỳ-kheo song không tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai cũng không đến trong chùa gặp Tỳ-kheo. Người đến chùa kia là hơn hết.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, đến chỗ Tỳ-kheo tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai, họ không đến chỗ Tỳ-kheo hỏi điều thích hợp. Người đến chùa kia là đệ nhất tối tôn, vượt lên trên người kia.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người đến chỗ Tỳ-kheo hết lòng nghe pháp; người thứ hai không đến chỗ Tỳ-kheo, không hết lòng nghe pháp. Người (hết lòng nghe pháp) kia là người hơn hết.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, có thể quán sát pháp, thọ trì, đọc tụng; người thứ hai, họ không thể thọ trì, đọc tụng. Người có thể thọ trì kia, là đệ nhất tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người nghe pháp liền hiểu nghĩa; người thứ hai, họ nghe pháp mà không hiểu nghĩa. Người này là tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, nghe pháp liền thành tựu pháp tùy pháp; người thứ hai, họ không nghe pháp, không thành tựu pháp tùy pháp. Người nghe pháp kia, thành tựu pháp tùy pháp. Người này là tối tôn đệ nhất.

Này Tỳ-kheo, lại có hai người. Những gì là hai? Một người, nghe pháp có thể kham nhẫn tu hành, phân biệt hộ trì chánh pháp; người thứ hai không thể kham nhẫn tu hành pháp kia. Người có thể kham nhẫn tu hành pháp kia, là tối tôn đệ nhất. Giống như bò có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ là tối tôn đệ nhất không gì bằng. Ở đây cũng vậy, nếu người nào có thể tu hành thì người này là tối đệ nhất, không ai sánh kịp.

Đó gọi là Tỳ-kheo quán sát căn nguyên của người. Nếu có người nào không rõ điều này thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo kia nghe pháp, phân biệt nghĩa nó, đó là tối thượng. Tỳ-kheo như vậy là biết quán sát căn nguyên của người.

Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này, ngay trong hiện pháp an lạc vô vi, ý muốn đoạn trừ lậu cũng không khó khăn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁴

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn cây Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Cây Trú đặc⁵ trên trời Tam thập tam có gốc dọc ngang năm mươi do-tuần, cao một trăm do-tuần, bóng râm che Đông, Tây, Nam, Bắc năm mươi do-tuần. Trời Tam thập tam vui chơi nhau ở đó bốn tháng. Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc hoa lá cây Trú đặc ấy úa vàng, rơi rụng trên mặt đất. Chư Thiên bấy giờ thấy điềm ứng này, tất cả đều hoan hỷ, tình vui phát sinh: “Cây này không bao lâu sẽ sinh ra hoa đầy trở lại.”

Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc hoa của cây này tất cả đều rơi rụng xuống đất. Bấy giờ, trời Tam thập tam lại càng hoan hỷ tự bảo với nhau rằng: “Cây này không bao lâu sẽ trở thành màu tro.”

Tỳ-kheo nên biết, qua một thời gian nữa cây ấy liền thành màu tro. Lúc này, trời Tam thập tam thấy cây này biến thành màu tro rồi, lòng rất vui mừng tự bảo với nhau rằng: “Nay, cây này đã biến màu tro, không lâu sẽ nảy chồi.”⁶

Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy cây Trú độ này đã nảy chồi, không bao lâu nữa sẽ sinh nụ. Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy rồi, chư Thiên lại hoan hỷ: “Hôm nay cây này đã sinh nụ, không bao lâu lại sẽ nở đầy.”

Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam thấy rồi, cây này từ từ nở đầy, lòng chư Thiên đều hoan hỷ: “Cây này đã dần dần nở đầy, không lâu sẽ đĩnh đầy hoa.”

Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc cây ấy nở đầy khắp, lòng chư Thiên tất cả đều hoan hỷ: “Hôm nay, cây này nở đầy hoa.” Bấy giờ, hương của nó bay ngược gió trong vòng trăm do-tuần, không đâu không nghe mùi thơm. Bấy giờ, chư Thiên cùng nhau vui chơi ở đó bốn tháng, vui không thể nói hết.

Ở đây cũng vậy, đệ tử Hiền thánh khi phát ý muốn xuất gia học đạo, cũng giống như cây này bắt đầu muốn úa rụng lá.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh xả bỏ vợ con, tài sản, với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, giống như lá cây kia rụng xuống đất.

Tỳ-kheo nên biết, đệ tử Hiền thánh không tưởng tham dục, trừ pháp bất thiện, niệm giữ hoan hỷ, chí an trú Sơ thiền, như cây Trú đặc thành màu tro.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có giác, có quán,⁷ nội tĩnh,⁸ có hoan hỷ, chuyên chú nhất tâm, không giác, không quán, tâm an trú Nhị thiền, như cây kia nảy chồi.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh, vô niệm,⁹ mà có xả¹⁰ tự biết thân có lạc, điều mà chư Hiền thánh mong cầu, xả* niệm đầy đủ, tâm an trú Tam thiền, giống như cây kia sinh nụ.

4. Pāli, A.VII. 69. Pārichattaka. Hán, *Trung*, kinh 2.

5. Trú đặc thọ 晝度樹. Pāli: Parichattaka.

6. Sinh la võng 生羅網. Pāli: Jālakajāta. Hán hiểu là jāla-jāta: Sinh lưới, thay vì jālaka-jāta, sinh chồi non.

7. Giác, quán, hay tầm tứ (Pāli: Vitakka-vicāra), bản Hán chép nhầm. Sơ thiền có giác, có quán, hay có tầm có tứ (Pāli: Savitakkaṃ savicāraṃ); nhưng Nhị thiền không có giác-quán, hay không có tầm tứ (Pāli: Avitakkaṃ avicāraṃ).

8. Nguyên Hán: Túc nội 息內. Pháp uẩn (tr. 482a): Nội đẳng tịnh 內等淨. Pāli: Vūpasama.

9. Để bản chép sót chữ vô. TNM: Vô niệm. Pháp uẩn, ibid.: Ly hỷ. Tam thiền không hỷ, nên gọi là “Ly hỷ diêu lạc địa”. Pāli: Pītiyā ca virāgā.

10. Để bản: Hữu hộ 有護. *Pháp Uẩn*, ibid.: Trú xả 住捨.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh đã hết khổ lạc, sâu ưu trước đó không còn, không khổ, không lạc, xả* niệm thanh tịnh, chí an trú ở Tứ thiền, giống như cây kia dần dần mở đầy.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, điều đó giống như cây kia nở hoa đầy khắp.

Bấy giờ, hương giới đức của đệ tử Hiền thánh nghe khắp bốn phương, không ai không ca ngợi. Trong bốn tháng tự hưởng vui thích, tâm an trú Tứ thiền, bản hạnh đầy đủ. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu hương giới đức.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 3¹¹

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói bầy dụ về nước. Con người cũng như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Sao gọi là bầy dụ về nước mà tựa người? Giống như có người chìm ở đáy nước; lại có người tạm ngoi khỏi nước rồi lại chìm xuống; có người nổi lên khỏi nước rồi nhìn xem; lại có người nổi lên khỏi nước rồi đứng yên; có người bơi đi trong nước; có người nổi lên khỏi nước rồi muốn đến bờ kia; lại có người đã đến bờ kia.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là bầy việc dụ về nước xuất hiện ở đời.

Sao gọi là người chìm dưới đáy nước không nổi lên được? Ở đây, hoặc có người mà toàn thể đầy khắp pháp bất thiện, trải qua nhiều kiếp, không thể chữa trị. Đó gọi là người chìm dưới đáy nước.

Sao gọi là người nào nổi lên khỏi nước rồi chìm lại? Hoặc có người mà tín căn dần mai một, tuy có pháp lành nhưng không chắc chắn. Thân, miệng, ý họ hành thiện, nhưng sau đó thân, miệng, ý lại hành pháp bất thiện, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Đó gọi là người ra khỏi nước rồi chìm lại.

Sao gọi là người nổi lên khỏi nước rồi nhìn xem? Ở đây, hoặc có người có tín thiện căn, nhưng hành vi của thân, khẩu, ý lại không làm tăng trưởng pháp này, tự thủ mà đứng yên, thân hoại mạng chung sinh vào A-tu-luân. Đó gọi là người ra khỏi nước mà nhìn.¹²

Sao gọi là người ra khỏi nước mà đứng? Ở đây, hoặc có người có lòng tin, tinh

¹¹. Pāli, Udakūpama (R. iv. 12). Hán, *Trung*, kinh 4.

¹². Hán dịch mục này khác thứ tự với Trung và Pāli: Đây là hạng người nổi lên rồi đứng yên được, không chìm trở lại.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tấn dứt ba kết sử¹³, không thoái chuyển nữa, ắt đạt cứu cánh, thành đạo Vô thượng. Đó gọi là người ra khỏi nước mà đứng¹⁴.

Sao gọi là người muốn lợi khỏi nước? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, lòng luôn hổ thẹn, với mỏng ba kết sử dâm, nộ, si. Trở lại đời này một lần nữa rồi đoạn trừ gốc khổ.¹⁵ Đó gọi là người định vượt khỏi nước.

Sao gọi là người muốn đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, dứt sạch năm hạ phần kết sử, thành A-na-hàm, không lại thế gian này nữa mà nhập Niết-bàn trên đó¹⁶. Đó gọi là người muốn đến bờ kia.

Sao gọi là người đã đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, mà có lòng hổ thẹn, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, ở trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, ở trong Niết-bàn giới vô dư mà Bát-niết-bàn. Đó gọi là người đã vượt qua bờ kia.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bầy dụ về nước và người, mà Ta vừa nói cho các ông. Điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các ông hãy ở nơi yên tĩnh, hoặc dưới gốc cây, hãy nghĩ đến việc tọa thiền, chớ sinh biếng nhác. Đó là lời dạy của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

¹³. Pāli: Đắc Dự lưu.

¹⁴. Hán dịch mục này trái thứ tự với Trung và Pāli: Đây là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi, đã đứng yên được, còn có thể quán sát.

¹⁵. Hạng chúng Nhất lai.

¹⁶. Trên Tịnh cư thiên.

KINH SỐ 4¹⁷

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thánh vương cai trị nước xa xôi,¹⁸ nếu thành tựu bảy pháp, sẽ không bị kẻ thù, giặc cướp chiếm giữ.

Những gì là bảy?

1. Thành quách ấy rất cao, được sửa sang tề chỉnh. Đó gọi là vị vua kia thành tựu pháp thứ nhất.

2. Lại nữa, cổng thành kia chắc chắn. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ hai.

3. Lại nữa, ngoài thành kia có hào rất sâu rộng. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ ba.

4. Lại nữa, trong thành kia nhiều thóc gạo, kho lẫm chứa đầy ắp. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ tư.

5. Lại nữa, thành kia nhiều củi, cỏ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ năm.

6. Lại nữa, thành kia nhiều cụ khí, gậy gộc, đầy đủ các chiến cụ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ sáu.

7. Lại nữa, chủ thành kia rất thông minh, tài cao, dự biết tình người, đáng dùng roi thì dùng roi, đáng sửa trị thì sửa trị. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ bảy, cảnh ngoài không thể đến xâm chiếm.

Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, chủ nước thành kia thành tựu bảy pháp, nên người ngoài không thể tiếp cận quấy nhiễu.

Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nếu thành tựu bảy pháp thì tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện được. Những gì là bảy?

Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai nghi, phạm luật nhỏ còn sợ hướng gì là lớn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất này, tặc ác ma không thể tùy tiện được. Giống như thành kia cao rộng, rất nghiêm nhặt, không thể phá hoại.

Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc không khởi tưởng đắm, cũng không khởi niệm, nhãn căn đầy đủ, không thủ hộ nhãn căn không để khuyết thủng, rò rỉ;¹⁹ tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi niếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp cũng lại như vậy, cũng không khởi tưởng, đầy đủ ý căn, mà không loạn tưởng, thủ hộ đầy đủ ý căn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai này, tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia cửa ngõ chắc chắn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều không quên, thường nhớ nghĩ tư duy chánh pháp đạo giáo, những pháp đã nghe qua trước kia thấy đều thông suốt. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba này, tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như bên ngoài thành quách kia có hào rất sâu và rộng.

Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện²⁰, những pháp mà khoảng đầu thiện xảo, giữa thiện xảo, cuối cũng thiện xảo, thanh tịnh đầy đủ, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là

¹⁷. Pāli, A.VII. 67. Nagara (R. iv. 105). Hán, Trung, kinh 3.

¹⁸. Hán: Viễn quốc 遠國. Trung: biên thành 邊城, thành trì ở biên địa. Pāli: Paccantimam nagaram.

¹⁹. Đoạn nói về phòng hộ căn môn, rải rác trong nhiều kinh, nhưng văn dịch không thống nhất.

²⁰. Hán: Đa chư phương tiện 多諸方便, nên hiểu: Nhiều nỗ lực, tinh cần.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư này; như thành quách kia, nhiều lúa gạo, giặc ngoài không dám đến xâm lăng.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về bốn pháp tăng thượng tâm²¹, cũng không rỉ thoát.²² Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia, nhiều củi, cỏ, người bên ngoài không thể đến quấy nhiễu.

Lại nữa, Tỳ-kheo đắc bốn Thần túc, thực hiện không khó. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như trong thành kia đầy đủ vũ khí.

Lại nữa, Tỳ-kheo có thể phân biệt đầy đủ ấm, nhập, giới, cũng lại phân biệt pháp do mười hai nhân duyên phát sinh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như chủ thành quách kia thông minh, tài cao, đáng bắt thì bắt, đáng thả thì thả.

Nay đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, biết phân biệt đầy đủ các bệnh ấm, giới²³, nhập. Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện phân biệt ấm, giới*, nhập và mười hai nhân duyên, đừng để mất thứ lớp, liền vượt cảnh ma, không có ở trong ấy nữa.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 5

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay ta sẽ nói về bảy y chỉ xứ của thức²⁴, các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vì sao nó được gọi là bảy nơi ở thân thức? Chúng sinh với nhiều loại thân và nhiều loại tướng khác nhau, như người và trời.²⁵ Lại nữa, chúng sinh hoặc nhiều loại thân nhưng chỉ có một tướng, đó là trời Phạm-ca-di mới xuất hiện ở thế gian.²⁶ Lại nữa, chúng sinh một thân nhưng nhiều tướng, đó là trời Quang âm. Lại nữa, chúng sinh một thân, một tướng, đó là trời Biến tịnh. Lại nữa, chúng sinh vô lượng không, là trời Không xứ. Lại nữa, chúng sinh vô lượng thức, là trời Thức xứ. Lại nữa, chúng sinh vô hữu xứ, là trời Vô hữu xứ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bảy nơi thức trú. Nay Ta đã nói bảy thức xứ.

²¹. Túc tu bốn Thiên. Pāli: Catunnaṃ jhānaṃ ābhicetasikānaṃ.

²². Hán: Bất thoát lậu 不脫漏. Nên hiểu: Dễ chứng đạt, không khó. Pāli: Nikāmalābhī hoti akicchālābhī akasiralābhī.

²³. Nguyên Hán: Trì 持. Trên kia dịch là giới. Hán dịch bất nhất.

²⁴. Nguyên Hán: Thần chỉ xứ 神止處. Xem, *Trường*, kinh 9 (tr. 52a) Pāli, Cf. D.iii. tr. 253. Satta viññāṇaṭṭhitiyo.

²⁵. Hán dịch không xác định: Chỉ một phần chư Thiên túc Dục giới thôi.

²⁶. Hán: Sơ xuất thế gian, dịch không hết ý. Nên hiểu: Khi kiếp mới sáng thành.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các ông hãy đến dưới bóng cây vắng vẻ, hãy khéo tu hạnh này, chớ có lười biếng. Đó là những lời dạy của Ta.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 6²⁷

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Vào lúc bấy giờ, Tôn giả Quân-đầu²⁸ thân mang bệnh nặng, nằm liệt giường, không thể tự ngồi dậy. Khi ấy, Quân-đầu nghĩ: “Hôm nay không được Thế Tôn Như Lai rủ lòng thương xót. Ta đang gặp bệnh nặng, không còn sống bao lâu nữa. Thuốc thang không tiếp. Lại nghe Thế Tôn nói: “Còn một người chưa độ, Ta quyết không bỏ.” Song nay chỉ một mình ta bị bỏ rơi. Còn khổ nào hơn!

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe được lời oán trách của Tỳ-kheo Quân-đầu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy tụ họp đến chỗ Tỳ-kheo Quân-đầu, hỏi thăm bệnh Tỳ-kheo ấy.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Rồi, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đi lần đến phòng Tỳ-kheo Quân-đầu. Quân-đầu từ xa nhìn thấy Như Lai đến, liền tự gieo mình xuống đất. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Nay ông mang bệnh rất là nặng, không cần xuống giường. Ta tự có chỗ ngồi.

Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Bệnh của ông tăng hay giảm, hay không tăng giảm? Ông có thể nghe Ta dạy được không?

Lúc ấy, Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

–Bệnh hôm nay của đệ tử rất nặng, chỉ có tăng, không có giảm. Thuốc uống không thấm vào đâu.

Thế Tôn hỏi:

–Người chăm sóc bệnh là ai vậy?

Quân-đầu bạch:

–Các vị phạm hạnh đến, gặp thì chăm sóc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Nay ông có thể nói cho Ta nghe bảy Giác ý không?

Bấy giờ, Quân-đầu nêu tên bảy Giác ý ba lần:

–Nay con có thể ở trước Như Lai nói pháp bảy Giác ý.

Thế Tôn bảo:

–Nếu có thể nói cho Như Lai nghe thì cứ nói.

Quân-đầu bạch Phật:

²⁷. Pāli, S. 46. 16 Gilāna (3) (R.v. 81).

²⁸. Quân-đầu. Pāli: Mahā-Cunda. Nhưng, bản Pāli nói Đức Phật bệnh, và Cunda làm thị giả chăm sóc bệnh, chứ không phải Cunda bệnh.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Bảy Giác ý. Những gì là bảy? Như Lai đã nói, đó là niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an* giác ý, định giác ý, xả* giác ý. Bạch Thế Tôn, gọi là có bảy Giác ý này, chính là như vậy.

Sau khi Tôn giả Quân-đầu nói những lời này xong, mọi bệnh tật đều được trừ khỏi, không còn khổ não.²⁹ Bấy giờ, Quân-đầu bạch Thế Tôn:

–Hiệu nghiệm nhất trong các thứ thuốc, đó chính là pháp bảy Giác ý này. Muốn nói là thuốc hay nhất không qua bảy Giác ý này. Con nhờ tư duy về bảy Giác ý mà bệnh gì cũng khỏi cả.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông thọ trì pháp bảy giác ý này, khéo nhớ phúng tụng, chớ có hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng. Mọi bệnh hoạn của chúng sinh kia được trừ khỏi. Vì sao? Vì bảy Giác ý này rất khó lường hết, nhưng nhờ đó tất cả các pháp đều được thấu rõ, hết thảy các pháp đều được soi sáng. Cũng như thuốc hay chữa trị hết thảy các bệnh. Giống như cam lồ ăn không biết chán. Nếu không được bảy Giác ý này, các loài chúng sinh sẽ trôi lăn sinh tử. Các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy Giác ý.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 7³⁰

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền có bảy báu xuất hiện thế gian. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, minh châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là nói khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời thì bảy báu cũng xuất hiện, truyền khắp ở thế gian.

Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì có bảy Giác ý xuất hiện thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an* giác ý, định giác ý, xả* giác ý xuất hiện ở thế gian. Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì bảy Giác ý này cũng xuất hiện ở thế gian. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác ý này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 8

Nghe như vậy:

²⁹. Bản Pāli: Phật bảo Cunda nói bảy Giác chi. Cunda nói xong, Phật khỏi bệnh.

³⁰. Pāli, S.46. 42. Cakkavatti (R. v. 99).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền chọn lựa đất tốt mà xây thành quách, từ Đông, Tây mười hai do-tuần; Nam, Bắc bảy do-tuần. Đất đai màu mỡ, được mùa, hạnh phúc không thể nói hết. Bấy giờ, bên ngoài thành được bao bọc bảy lớp xen kẽ bởi bảy báu. Bảy loại báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, mã não, xà cừ. Đó gọi là bảy báu. Thành lại được bao quanh bởi bảy lớp hào rất sâu tạo thành bởi báu, khó mà vượt qua; trong hào toàn cát vàng. Lại có bảy lớp cây mọc chen giữa; các loại cây ấy có bảy loại màu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách. Thành trong được bao bọc bởi bảy lớp cửa kiên cố, cũng được làm bằng bảy báu. Khung cửa bằng bạc thì cánh cửa vàng, khung cửa bằng vàng thì cánh cửa bạc, khung cửa thủy tinh thì cánh cửa lưu ly, khung cửa bằng lưu ly thì cánh cửa thủy tinh, khung cửa bằng mã não thì cánh cửa hổ phách, rất là khoái lạc, thật không thể nói hết. Bốn mặt trong thành ấy có bốn ao tắm, mỗi một ao tắm dọc ngang một do-tuần, có nước vàng, bạc, thủy tinh tự nhiên tạo thành. Ao nước bạc đông lại trở thành báu bạc, ao nước vàng đông lại trở thành báu vàng, Chuyển luân thánh vương lấy đó mà sử dụng.

Bấy giờ, trong thành kia có bảy loại âm thanh. Đó là tiếng tù và tiếng trống, tiếng trống con, tiếng chuông, tiếng trống eo, tiếng múa, tiếng ca. Đó gọi là bảy loại âm thanh. Bấy giờ, nhân dân thường vui chơi theo đó. Chúng sinh nơi đó không bị nóng lạnh, cũng không bị đói khát, cũng không bệnh tật. Chuyển luân thánh vương sống ở đời, thành tựu bảy báu này và bốn Thần túc, không có giảm khuyết, không bao giờ mất. Những gì là bảy báu mà Chuyển luân thánh vương thành tựu? Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, người nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Lại có ngàn người con rất dũng mãnh, có thể hàng phục giặc ngoài. Cõi Diêm-phù-lý-địa này, không dùng đao gậy để giáo hóa dân trong nước.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo hỏi Thế Tôn:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu bánh xe báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương, vào sáng sớm ngày rằm, tắm rửa, gọi đầu lên trên đại điện, có ngọc nữ vây quanh. Khi, bánh xe báu đủ ngàn cựa từ phương Đông bay đến trước điện, ánh sáng rực rỡ huy hoàng, chẳng phải do người tạo, cách mặt đất bảy nhẫn, từ từ đến trước vua, rồi dừng lại. Thấy vậy, Chuyển luân thánh vương liền nói: “Ta nghe người xưa nói, vua Chuyển luân vào ngày rằm, tắm rửa, gọi đầu lên ngôi trên điện. Lúc ấy, bánh xe báu tự nhiên từ phương Đông đến trước vua dừng lại. Nay ta phải thử bánh xe báu này.” Rồi vua Chuyển luân dùng tay phải nắm bánh xe báu mà nói rằng: “Giờ người quay lẩn cho đúng pháp, chớ đừng phi pháp.” Bánh xe báu tự nhiên lẩn quay và dừng trên không trung. Chuyển luân thánh vương liền dẫn binh bốn bộ, cũng ở trên hư không. Khi ấy, bánh xe báu quay hướng về Đông, Chuyển luân thánh vương cũng theo bánh xe báu mà đi. Khi bánh xe báu dừng, Chuyển luân thánh vương và bốn bộ binh cũng dừng trên hư không. Bấy giờ, vua Túc tán³¹ và nhân dân từ xa trông thấy vua đến, tất cả đều đứng dậy nghênh đón, lại dùng

³¹. Túc tán vương, chỉ các Tiểu vương, chư hầu của Chuyển luân.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

bát vàng đựng bạc mụn, bát bạc đựng vàng mụn, dâng lên cho Chuyển luân thánh vương mà tâu với vua rằng: “Hoan nghênh Thánh vương! Nay nhân dân thành phương này rất đông đúc, an vui vô hạn. Cúi xin đại vương hãy ở lại đây cai trị.” Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương liền bảo dân nước ấy: “Các ông hãy dùng pháp cai trị giáo hóa, chớ có dùng phi pháp, cũng chớ có sát sinh, trộm cắp, tà dâm, cẩn thận chớ có dùng phi pháp cai trị giáo hóa.” Sau đó, bánh xe báu lại di chuyển đến phương Nam, phương Tây, phương Bắc, rồi về giáo hóa hết thủy nhân dân rồi trở về nơi vua đang trị vì, đi cách mặt đất bảy nghìn và dừng lại.

Này Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu báu như vậy.

Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu voi báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo nên biết, vào ngày rằm, Chuyển luân thánh vương tắm rửa, gội đầu, rồi lên trên đại điện. Bấy giờ, voi báu từ phương Nam đến, có sáu ngà, lông trắng buốt, có bảy chỗ bằng phẳng, được trang sức bằng vàng, bạc, châu báu, có thể bay trên hư không. Thấy vậy, Chuyển luân thánh vương liền tự nghĩ: “Voi báu này rất kỳ diệu, hiếm có trên đời, thể tánh nhu hòa, không hung bạo. Nay ta phải thử voi báu này.” Rồi thì sáng sớm, khi mặt trời sắp mọc, Chuyển luân thánh vương liền cỡi voi báu này dạo khắp bốn biển, giáo hóa nhân dân. Chuyển luân thánh vương thành tựu voi báu như vậy.

Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu ngựa báu như thế nào?

Thế Tôn nói:

–Khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời, ngựa báu bay từ phía Tây đến, lông màu xanh đậm, lông đuôi có ánh đỏ, đi không lắc lư, có thể bay trên hư không, không có gì trở ngại. Thấy vậy, lòng rất vui mừng: “Ngựa báu này thật là kỳ lạ. Nay phải sai khiến nó. Thể tánh khôn và lành, không có bạo chứng. Nay ta phải thí nghiệm ngựa báu này.” Rồi Chuyển luân thánh vương liền cỡi ngựa báu này đi khắp bốn châu thiên hạ, dạy dỗ nhân dân rồi trở về nơi chỗ ấy trị vì. Này các Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu ngựa báu như vậy.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Lại thành tựu ngọc báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời, lúc đó ngọc báu từ phương Đông bay đến, có tám góc, bốn mặt có ánh sáng, dài một thước sáu tấc. Chuyển luân thánh vương thấy vậy, liền tự nghĩ: “Ngọc báu này rất kỳ lạ, ta phải thử nó.” Rồi vào lúc nửa đêm, Chuyển luân thánh vương tập hợp bốn bộ binh, đem ma-ni báu này gắn vào đầu ngọn cờ cao. Lúc đó, ánh sáng chiếu mười hai do-tuần trong đất nước ấy. Bấy giờ, nhân dân trong thành thấy ánh sáng này, mọi người bảo nhau rằng: “Giờ mặt trời đã mọc, hãy lo liệu việc nhà.” Chuyển luân thánh vương ngồi trên điện, nhìn khắp nhân dân rồi trở vào trong cung. Sau đó, Chuyển luân thánh vương đem ma-ni này cất vào trong cung; cả trong ngoài đều sáng khắp, không đâu là không sáng. Này Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu ngọc báu này như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu người nữ báu như thế nào?

Thế Tôn nói:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Tỳ-kheo, nên biết, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời, tự nhiên hiện ngọc nữ xuất báu này, dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, không cao, không thấp, không trắng, không đen, tánh tình nhu hòa, không hung bạo, hơi miệng có mùi hương hoa sen, thân phát mùi hương chiên-đàn, thường theo hầu hạ Thánh vương, không quên thời khắc, thường tỏ ra hòa nhã vui cười nhìn vua. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu ngọc nữ như vậy.

Tỳ-kheo lại bạch Phật rằng:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu cư sĩ báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Ở đây, này Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời liền có cư sĩ báu xuất hiện ở thế gian, không cao, không thấp, thân thể màu hồng, tài cao, trí tốt, không việc gì không suốt, lại đạt Thiên nhãn thông. Bấy giờ, cư sĩ đi đến chỗ vua tâu với vua rằng: “Cúi mong Thánh vương sống lâu vô cùng! Nếu vua muốn cần vàng, bạc, châu báu gì, thần sẽ cung cấp hết thảy.” Cư sĩ dùng Thiên nhãn quán sát nơi có kho báu và nơi không có kho báu, đều thấy tất cả. Vua có cần báu gì, tùy thời cung cấp. Khi ấy, Chuyển luân thánh vương muốn thử cư sĩ báu kia, liền dẫn cư sĩ này qua sông, chưa đến bờ bên kia, liền nói với cư sĩ rằng: “Nay ta cần vàng, bạc, châu báu. Hãy làm sao có ngay bây giờ.” Trưởng giả đáp: “Đến trên bờ trước, thần sẽ cung cấp.” Chuyển luân thánh vương nói: “Nay ta cần báu ở đây, chứ không cần khi đến trên bờ.” Khi ấy, cư sĩ liền quỳ xuống, chắp tay hướng xuống nước, tức thì báu báu trong nước liền vọt lên. Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương bảo trưởng giả: “Thôi! Thôi! Cư sĩ, không cần báu nữa.”

Này các Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu cư sĩ báu như vậy.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu điển binh báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời liền có điển binh báu tự nhiên hiện đến, thông minh, cái thế, biết trước tình người, thân thể hồng hào, đi đến chỗ Chuyển luân thánh vương, tâu Thánh vương: “Cúi mong Thánh vương cứ tự nhiên hưởng lạc thú. Nếu Thánh vương muốn cần binh chúng, tiến thoái đúng lúc, thần sẽ cung cấp ngay.” Rồi điển binh báu theo ý vua, tập hợp binh chúng ở cạnh vua. Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương muốn thử điển binh báu, liền tự nghĩ: “Hãy tập hợp binh chúng của ta ngay bây giờ!” Lập tức binh chúng liền ở ngoài cửa vua. Nếu ý muốn Chuyển luân thánh vương khiến binh chúng đứng yên, liền đứng yên; muốn tiến thì liền tiến.

Này Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu điển binh báu như vậy.

Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân thánh vương thành tựu bảy báu này như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

–Thế nào là Chuyển luân thánh vương thành tựu bốn Thần túc, được nhiều thiện lợi?

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ở đây, Chuyển luân thánh vương tướng mạo đoan chánh, hiếm có trên đời, hơn hẳn người thường. Giống như Thiên tử kia, không ai sánh kịp. Đó gọi là Chuyển luân thánh vương thành tựu Thần túc thứ nhất này.

Lại nữa, Chuyển luân thánh vương thông minh, cái thế, không gì không điều luyện; là bậc hùng mãnh trong người. Bấy giờ, không ai hơn trí tuệ phong phú của Chuyển luân thánh vương này. Đó gọi là (Chuyển luân thánh vương) thành tựu Thần túc thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương không hề có bệnh tật; thân thể khỏe

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

manh, mọi thứ đồ ăn thức uống tự nhiên tiêu hóa, không lo các chứng đại tiểu tiện. Đó gọi là Chuyển luân thánh vương thành tựu Thần túc thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thọ mạng rất dài, tuổi thọ không thể tính. Tuổi thọ con người lúc ấy không ai hơn tuổi thọ Chuyển luân thánh vương. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân thánh vương thành tựu Thần túc thứ tư này.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân thánh vương có bốn Thần túc.

Tỳ-kheo kia lại bạch Phật:

–Sau khi Chuyển luân thánh vương mạng chung, sẽ sinh nơi nào?

Thế Tôn nói:

–Chuyển luân thánh vương sau khi mạng chung, sẽ sinh lên trời Tam thập tam, thọ mạng ngàn tuổi. Vì sao? Vì tự thân Chuyển luân thánh vương không sát sinh, lại dạy người khác khiến không sát sinh; tự mình không trộm cướp, lại dạy người khiến không trộm cướp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khiến không dâm dật; tự mình không nói dối, lại dạy người khiến không nói dối; tự mình hành pháp thập thiện, lại dạy người khiến hành pháp thập thiện.

Các Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân thánh vương nhờ công đức này, sau khi mạng chung, sinh lên trời Tam thập tam.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ:

–Chuyển luân thánh vương thật đáng được hâm mộ. Muốn nói đó là con người, lại chẳng phải là người; nhưng kỳ thật chẳng phải là trời mà lại thi hành việc trời, hưởng thụ lạc thú vi diệu, không đọa ba đường dữ. Nếu hôm nay ta dũng mãnh giữ giới, chắc sẽ có phước để đời tương lai được làm Chuyển luân thánh vương, không thích hay sao?

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm Tỳ-kheo kia, bảo Tỳ-kheo kia:

–Ở trước Như Lai, đừng có ý nghĩ như vậy. Vì sao? Chuyển luân thánh vương tuy thành tựu bảy báu, có bốn Thần túc không ai sánh kịp, nhưng vẫn không thoát khỏi ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì Chuyển luân thánh vương không đắc bốn Thiên, bốn Thần túc, không chứng đắc bốn Đế. Vì nhân duyên này, sau lại đọa vào ba đường dữ. Thân người rất khó được, gặp phải tám nạn, muốn thoát ra rất khó; sinh ở chính giữa nước cũng lại không dễ; muốn có bạn lương thiện cũng lại không phải dễ; muốn cùng Thiện tri thức gặp nhau cũng lại không dễ; muốn theo học đạo trong giáo pháp Như Lai cũng lại khó gặp; Như Lai xuất hiện thật không thể gặp; giáo pháp được giảng dạy cũng khó gặp như vậy; hiểu bốn đế và bốn phi thường, thật khó mà được nghe. Chuyển luân thánh vương cũng không được cứu cánh bốn pháp này.

Này Tỳ-kheo, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, khi ấy có bảy báu này xuất hiện ở thế gian; đó là bảy báu Giác ý của Như Lai, dẫn đến cứu cánh vô biên, chỗ trời người khen ngợi.

Này Tỳ-kheo, nay khéo tu phạm hạnh, ngay hiện thân này sẽ chấm dứt được biên tế khổ, thì cần gì đến bảy báu của Chuyển luân thánh vương?

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Như Lai như vậy, ở tại nơi vắng vẻ tư duy đạo pháp, vì mục đích mà thiện gia nam tử sở dĩ cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu chánh nghiệp vô thượng, để như thật biết rằng: “Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau.” Bấy giờ, Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9³²

Nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả ĐỒNG CHÂN Ca-diếp³³ ở trong vườn Trú ám³⁴, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào nửa đêm, Ca-diếp kinh hành. Khi ấy có vị trời đến chỗ Ca-diếp, ở giữa hư không nói với Ca-diếp:

–Tỳ-kheo nên biết, ngôi nhà³⁵ này ban đêm bốc khói, ban ngày bị lửa cháy³⁶. Có người Bà-la-môn nói với một người có trí: “Giờ ông hãy cầm dao đục núi³⁷. Khi đang đục núi tất sẽ thấy một đồ gánh³⁸ thì hãy nhổ nó lên. Rồi ông đục lại núi; khi đang đục núi tất sẽ thấy núi. Giờ hãy bỏ núi. Ông lại đục núi; khi đang đục núi tất thấy con ếch ương. Bấy giờ ông hãy bỏ³⁹ con ếch ương. Ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ thấy đồng thịt. Thấy đồng thịt, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ gặp cái gông. Thấy cái gông, hãy bỏ nó. Bây giờ, ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy hai con đường⁴⁰. Đã thấy hai đường, hãy bỏ nó. Bây giờ, ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy cành cây. Thấy cành cây, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy con rồng⁴¹. Thấy con rồng rồi, chớ nói gì với nó, hãy lo tự quy mạng⁴² và để yên nó đó⁴³.

Này Tỳ-kheo, hãy suy nghĩ kỹ nghĩa này. Nếu không hiểu thì lập tức đến thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn hỏi điều này. Nếu Như Lai có dạy điều gì thì khéo nhớ nghĩ mà thực hành. Vì sao? Vì hiện tại tôi cũng không thấy có người, Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma nào có thể hiểu nghĩa này, trừ Như Lai và đệ tử Như Lai, hoặc nghe từ tôi⁴⁴.

Bấy giờ, Ca-diếp bảo vị thiên:

–Việc này thật hay!

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn; đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

–Nay con muốn hỏi nghĩa Như Lai. Những điều vị trời nói, ý nghĩa nhắm đến cái gì? Vì sao nói nhà này ban đêm bốc khói, ban ngày lửa cháy? Tại sao nói là Bà-la-môn? Tại

32. Tham chiếu Pāli, M. 23 Vammika (R. i. 142).

33. Đồng chân Ca-diếp 童真迦葉. Pāli: Kumārakassapa.

34. Trú ám viên. Pāli: Andhavana, khu rừng ở phía Nam Xá-vệ.

35. Pāli: Vammika, gò mối.

36. Pāli: Divā pajjalati, ban ngày rực sáng.

37. Hán: Tạc sơn 鑿山. Bản Pāli: Cầm gươm mà đào gò mối lên.

38. Hán: Phụ vật 負物. Pāli: Thấy cái then cửa (laṅgī).

39. Pāli: Ukkhipa. Hãy lấy lên. Hán hiểu là nikkhipa, hãy để xuống.

40. Hán: Nhị đạo. Pāli: Dvidhāpatha, đường đi có hai lối.

41. Pāli: Nāga. Có thể hiểu là rắn (thần), cũng có thể là rồng.

42. Pāli: Namo karohi nāgassa, hãy đánh lễ (xung nam-mô) con rắn.

43. Thứ tự các vật đào được trong Hán dịch khác với bản Pāli. Có ba vật không đồng nhất được giữa Hán và Pāli. Hán: Núi (sơn 山), cái gông (già 枷), cành cây (thọ chi 樹枝). Pāli: Caṅgavāra (cái bát), kumma (con rùa), asisūna (dao mổ bò).

44. Hán: Nhược tùng ngã văn. Hán có thể dịch sai, so sánh Pāli (định cú): Ito vā pana sutvā, hoặc nghe từ đó; tức những ai nghe từ Phật hay đệ tử của Phật. Nhưng tiếng Phạm ít khi dùng từ nhân xưng, nên Hán dịch tự tiện thêm từ “tôi” vào. Tham chiếu, *Trung 25* (tr. 584c29): 唯有如來。如來弟子或從此聞。

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sao nói là người trí? Lại nói đực núi, ý nghĩa này nhắm đến cái gì? Nói về con dao, con cũng không hiểu. Tại sao nói là đồ gánh? Lại nói về núi, nghĩa này thế nào? Tại sao lại nói con ễnh ương? Tại sao lại nói đồng thịt? Tại sao lại nói cái gông? Tại sao nói hai con đường? Cành cây, nghĩa nó thế nào? Tại sao nói là con rồng?

Thế Tôn bảo:

–Nhà tức là hình thể do sắc bốn đại tạo thành, nhận huyết mạch cha mẹ dần dần lớn lên, thường được nuôi dưỡng bằng thức ăn không để thiếu thốn, là pháp phân tán. Ban đêm có khói là chỉ cho tâm niệm của các loài chúng sinh. Ban ngày lửa cháy là chỉ cho hành động do thân, miệng, ý đã tạo. Bà-la-môn là A-la-hán. Người trí là người học⁴⁵. Đực núi là chỉ tâm tinh tấn. Con dao chính là chỉ trí tuệ. Đồ gánh là năm kết sử⁴⁶. Núi là kiêu mạn⁴⁷. Con ếch là chỉ tâm sân hận. Đồng thịt là chỉ tham dục. Cái gông chỉ năm dục.⁴⁸ Hai đường là chỉ nghi ngờ. Cành cây là vô minh⁴⁹. Rồng là chỉ Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác⁵⁰. Những lời vị Thiên kia nói, nghĩa nó như vậy. Nay ông hãy suy nghĩ cho kỹ, không lâu sẽ dứt sạch hữu lậu.

Sau khi vâng lời Như Lai dạy, Ca-diếp ở nơi vắng vẻ mà tự tu hành, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu phạm hạnh, biết như thật rằng: “Sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau.” Bấy giờ, Ca-diếp thành A-la-hán.

Ca-diếp sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 10⁵¹

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trụ tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm Tỳ-kheo vị. Mãn Nguyệt Tử⁵² cũng dẫn theo năm trăm Tỳ-kheo an cư ở sinh quán⁵³.

Bấy giờ, sau khi kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyệt, Thế Tôn đi du hóa trong nhân gian dần dần đến vườn cây Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đã đi vào trong nhân gian, cũng đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông hạ an cư ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng con hạ an cư tại quê nhà.

⁴⁵. Học nhân 學人, chỉ Thánh giả hữu học.

⁴⁶. Pāli: Bát đưng (caṅgavāra, Hán?) chỉ năm triển cái (pañca nīvaraṇānaṃ).

⁴⁷. Pāli: Không có.

⁴⁸. Pāli: Con dao mổ (asisūna) chỉ năm dục (pañca kāmagaṇānaṃ).

⁴⁹. Pāli: Thên cửa (laṅgi) chỉ vô minh (āvijjā).

⁵⁰. Pāli: Chỉ Tỳ-kheo lậu tận (khīṇāsavassettaṃ bhikkhuno).

⁵¹. Pāli, M. 24 Rathavinīta (R. i. 146). Hán, Trung, kinh 9.

⁵². Mãn Nguyệt Tử. Pāli: Puṇṇa Mantāṇiputta.

⁵³. Puṇṇa Mantāṇiputta quê ở Donavatthu, gần Kapilavatthu.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thế Tôn bảo:

–Trong số Tỳ-kheo các ông an cư tại sinh quán, ai là người sống với hạnh a-luyện-nhã, lại hay khen ngợi a-luyện-nhã, tự hành khát thực, lại khuyến khích người khiến hành khát thực không mất thời nghỉ, tự đắp y vá nhiều mảnh, lại khuyến khích người khiến đắp y vá nhiều mảnh, tự tu tri túc, lại cũng ca ngợi hạnh tri túc, tự mình sống ít ham muốn, cũng lại ca ngợi hạnh ít ham muốn, tự thích nơi nhàn tĩnh, lại khuyến khích người khác ở nơi nhàn tĩnh; tự giữ hạnh ấy, lại khuyến khích người khác khiến giữ hạnh ấy, tự thân giới thanh tịnh đầy đủ, lại khuyến khích người khác khiến tu giới ấy, tự thân thành tựu Tam-muội, lại khuyến khích người khác khiến hành Tam-muội, tự thân thành tựu trí tuệ, lại dạy người khác khiến hành trí tuệ, tự thân thành tựu giải thoát, lại khuyến khích người khác khiến hành giải thoát, tự thân thành tựu giải thoát tri kiến⁵⁴, lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự thân có thể giáo hóa không biết chán đủ, nói pháp không lười mỏi?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo Mãn Nguyên Tử ở trong chúng Tỳ-kheo này kham nhận giáo hóa. Tự thân tu hạnh a-luyện-nhã, cũng lại khen ngợi hạnh a-luyện-nhã, tự thân mặc y vá, ít ham muốn, biết đủ, tinh tấn, dũng mãnh, khát thực, thích ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*, lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự mình có thể giáo hóa, nói pháp không biết chán đủ.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói pháp vì diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Sau khi nghe pháp xong, các Tỳ-kheo ngồi lại một lát, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng và ra đi.

Trong lúc ấy, cách Thế Tôn không xa, Xá-lợi-phất ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, Xá-lợi-phất suy nghĩ như vậy: “Hôm nay Mãn Nguyên Tử được nhiều thiện lợi. Vì sao? Các Tỳ-kheo phạm hạnh khen ngợi đức kia và Thế Tôn lại xác nhận lời này, cũng không phản đối. Ngày nào ta sẽ cùng vị ấy được gặp nhau và đàm luận với vị ấy?”

Bấy giờ, tại quê hương mình, Mãn Nguyên Tử giáo hóa đã xong, sau đó đi giáo hóa trong nhân gian, lần hồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn thứ tự nói pháp cho nghe. Mãn Nguyên Tử sau khi nghe pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi ra đi, lấy Ni-sư-đàn vắt trên vai phải, đi đến trong vườn Trú ám.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Mãn Nguyên Tử lấy Ni-sư-đàn vắt trên vai phải, đi đến trong vườn kia. Thấy vậy, liền đến chỗ Xá-lợi-phất, bạch Xá-lợi-phất.⁵⁵

–Thế Tôn thường khen ngợi Mãn Nguyên Tử, vừa đến chỗ Như Lai nghe Phật nói pháp, nay đến trong vườn. Tôn giả nên biết thời thích hợp.

Sau khi nghe Tỳ-kheo ấy nói, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai phải đi đến trong vườn kia.

Bấy giờ, Mãn Nguyên Tử ngồi kiết già dưới một bóng cây. Xá-lợi-phất cũng lại ngồi kiết già tư duy ở dưới một bóng cây. Sau đó, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Mãn Nguyên Tử. Đến nơi, cùng hỏi thăm nhau, rồi ngồi qua một bên. Xá-lợi-phất hỏi Mãn Nguyên Tử:

⁵⁴. Để bản: Giải thoát kiến tuệ.

⁵⁵. Đoạn này có thể do Hán dịch tự thêm thắt, vì mâu thuẫn với đoạn cuối, theo đó, Xá-lợi-phất cho tới khi kết thúc đoạn luận mới nhận ra người đối thoại là Mãn Nguyên Tử. Sự kiện này phù hợp với tường thuật của Pāli, và Trung A-hàm.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Thế nào, Mãn Nguyệt Tử, có phải do⁵⁶ Thế Tôn mà ngài làm đệ tử tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

⁵⁶. Biến cách 7 của Phạm ngữ đây dịch thành *sở do*, thay vì *sở y*. Nên hiểu: (chúng ta) ở *nơi* Thế Tôn, hay *nuông nơi* Thế Tôn (*sở y*), mà tu phạm hạnh. Như vậy để có mạch lạc với những hỏi và câu trả lời đoạn sau.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Lại có phải nhân bởi⁵⁷ Thế Tôn mà được tu giới thanh tịnh⁵⁸ không?

Mãn Nguyệt Tử nói:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Có phải do tâm thanh tịnh⁵⁹ nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Có phải vì kiến thanh tịnh nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Thế nào, có phải vì không do dự⁶⁰ mà được tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Có phải do hành tích thanh tịnh⁶¹ mà được tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Thế nào, có phải vì trí thanh tịnh ở trong đạo⁶² mà được tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Thế nào, có phải vì tri kiến thanh tịnh mà được tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Những câu hỏi vừa rồi của tôi: “Có phải ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh không?” Tôn giả lại đáp tôi rằng: “Đúng vậy.” Tôi lại hỏi: “Có phải do trí tuệ, tâm thanh tịnh, đạo tri kiến thanh tịnh, được tu phạm hạnh không?” Tôn giả lại nói: “Không phải.” Vậy vì sao Tôn giả ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh?

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Nghĩa⁶³ giới thanh tịnh là để khiến tâm thanh tịnh. Nghĩa* tâm thanh tịnh là để khiến kiến thanh tịnh. Nghĩa* kiến thanh tịnh là để khiến không do dự thanh tịnh. Nghĩa*

⁵⁷. Biến cách 7, Hán dịch thành sở do, nên câu hỏi trở thành vô lý. Nên hiểu: “có phải (chúng ta) nương nơi Thế Tôn (sở y, biến cách số 7) mà tu phạm hạnh...?”

⁵⁸. Pāli: Sīlavisuddhattham, (có phải) vì mục đích giới thanh tịnh?

⁵⁹. Pāli: Cittavisuddhattham, vì mục đích tâm thanh tịnh.

⁶⁰. Pāli: Kaṅkhāvitaraṇavisuddhattham, độ nghi tịnh, vì mục đích sự thanh tịnh do vượt qua hoài nghi.

⁶¹. Pāli: Paṭipadāñāṇadassanavisuddhattham, đạo tích kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh của tri kiến về phương pháp hành trì. Thứ tự trong bản Pāli, mục đích này ở sau đạo phi đạo kiến tịnh.

⁶². Pāli: Maggāmaggañāṇadassanavisuddhattham, đạo phi đạo kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh về sự thấy rõ đâu là Thánh đạo và đâu là không phải. Xem cht. trên.

⁶³. Hán: Nghĩa, nên hiểu là “mục đích.” Pāli: attham.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không do dự thanh tịnh là để khiến hành tích thanh tịnh. Nghĩa* hành tích thanh tịnh là để khiến đạo thanh tịnh. Nghĩa* đạo thanh tịnh là để khiến tri kiến thanh tịnh. Nghĩa* tri kiến thanh tịnh là để khiến nhập nghĩa Niết-bàn⁶⁴. Đó gọi là ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Nghĩa Tôn giả nói hôm nay nhắm về đâu?

Mãn Nguyệt Tử nói:

–Nay tôi sẽ đưa ra ví dụ để giải thích nghĩa này. Người trí nhờ ví dụ mà hiểu nghĩa đó, người trí tự ngộ. Giống như hôm nay vua Ba-tư-nặc đi từ thành Xá-vệ đến nước Bà-kỳ, khoảng giữa hai nước bố trí bảy chiếc xe. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra khỏi thành, lên chiếc xe thứ nhất, đến chiếc thứ hai; lên chiếc thứ hai, bỏ chiếc thứ nhất lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ ba và bỏ chiếc thứ hai lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ tư và bỏ chiếc thứ ba lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ năm và bỏ chiếc thứ tư lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ sáu và bỏ chiếc thứ năm lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ bảy và bỏ chiếc thứ sáu lại để vào nước Bà-kỳ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đã đến trong cung, nếu có người hỏi: “Hôm nay Đại vương đi cỗ xe nào đến cung này?” thì vua ấy sẽ đáp thế nào?

Xá-lợi-phất đáp:

–Nếu có người hỏi thì sẽ đáp như vậy: “Tôi ra khỏi thành nước Xá-vệ, trước lên xe thứ nhất đến xe thứ hai; lại bỏ xe thứ hai, lên xe thứ ba; lại bỏ xe thứ ba, lên xe thứ tư; lại bỏ xe thứ tư, lên xe thứ năm; lại bỏ xe thứ năm, lên xe thứ sáu; lại bỏ xe thứ sáu, lên xe thứ bảy đến nước Bà-kỳ. Vì sao? Vì tất cả nhờ xe trước đến xe thứ hai, lần lượt làm nhân cho nhau đến được nước kia.” Nếu có người hỏi thì nên trả lời như vậy.

Mãn Nguyệt Tử đáp:

–Nghĩa* giới thanh tịnh cũng lại như vậy. Do tâm thanh tịnh mà được kiến thanh tịnh; do kiến thanh tịnh mà được đến trừ do dự; do nghĩa không do dự mà được đến hành tích thanh tịnh; do nghĩa hành tích thanh tịnh mà đến được đạo thanh tịnh; do nghĩa đạo thanh tịnh mà đến được tri kiến thanh tịnh; do nghĩa tri kiến thanh tịnh mà đến được nghĩa Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Vì sao? Vì nghĩa giới thanh tịnh là tướng chấp thủ⁶⁵, nhưng Như Lai dạy khiến trừ chấp thủ*. Nghĩa tâm thanh tịnh cũng là tướng chấp thủ, nhưng Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến nghĩa tri kiến cũng là chấp thủ. Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Nếu chỉ vì giới thanh tịnh mà nương nơi Như Lai tu phạm hạnh, thì ngay kẻ phàm phu cũng sẽ diệt độ.⁶⁶ Vì sao? Vì kẻ phàm phu cũng có giới pháp này.⁶⁷ Thế Tôn đã dạy, theo thứ lớp thành đạo mà đến được Niết-bàn giới, chẳng phải chỉ có giới thanh tịnh mà đến được diệt độ. Giống như có người muốn lên trên lầu bảy tầng, phải theo thứ bậc mà đi lên.

⁶⁴. Pāli: Nāṇadassanavisuddhi yāvadeva anupādāparinibbānatthā, tri kiến thanh tịnh là vì mục đích Vô dư Niết-bàn (không còn chấp thủ).

⁶⁵. Nguyên Hán: Thọ nhập chi mạo 受入之貌.

⁶⁶. Đoạn dịch Hán này tối nghĩa. So sánh Pāli: Xá-lợi-phất hỏi, “Phải chăng giới thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?” cho đến “tri kiến thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?” Mãn Nguyệt Tử đều trả lời không phải. Nhưng ngoài các pháp được hỏi đó cũng không có pháp nào để đến Niết-bàn. Nếu không, phàm phu cũng đạt đến Niết-bàn, vì phàm phu không có những pháp đó.

⁶⁷. Câu này Hán dịch rõ ràng sai. Vì các pháp mà Xá-lợi-phất vừa hỏi nhất định không thể có nơi phàm phu. Xem cht. trên.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nghĩa giới thanh tịnh cũng lại như vậy; dần dần mới đến tâm. Do tâm mà đạt đến kiến. Do kiến mà đạt đến không do dự. Do không do dự mà đạt đến hành tích thanh tịnh. Do hành tích thanh tịnh mà đến được đạo. Do đạo thanh tịnh mà đạt đến tri kiến. Do tri kiến mà đạt đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất liền khen:

–Lành thay, lành thay, nghĩa này được nói thật khéo léo. Tôn giả tên là gì?⁶⁸ Các Tỳ-kheo phạm hạnh gọi Tôn giả hiệu gì?

Mãn Nguyên Tử nói:

–Tôi tên là Mãn Nguyên Tử. Họ mẹ là Di-đa-na-ni.⁶⁹

Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay, Mãn Nguyên Tử! Trong pháp Hiền thánh thật không ai sánh bằng Tôn giả; trong lòng chứa đựng cam lồ, lại ban phát vô cùng. Nay tôi đã hỏi nghĩa rất sâu, Tôn giả đều đã giải đáp tất cả. Cho dù các vị phạm hạnh đội ngài trên đầu mà đi khắp thế gian, cũng không thể báo đáp được ơn này. Những ai đến thân cận, hỏi han, người ấy sẽ được nhiều thiện lợi. Nay tôi cũng được lợi nhiều nhờ sự chỉ giáo đó.

Mãn Nguyên Tử đáp:

–Lành thay, lành thay! Như những lời Tôn giả nói! Tôn giả tên là gì? Các Tỳ-kheo gọi Tôn giả là gì?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi tên Ưu-ba-đề-xá. Mẹ tên Xá-lợi. Các Tỳ-kheo gọi tôi là Xá-lợi-phất.

Mãn Nguyên Tử nói:

–Hôm nay tôi cùng đã bàn luận với bậc Đại nhân. Vậy mà trước đó tôi không biết vị đại tướng⁷⁰ của pháp đến nơi này! Nếu tôi biết Tôn giả Xá-lợi-phất đến đây thì không dám cùng biện luận đối đáp như vậy. Nhưng Tôn giả hỏi nghĩa rất sâu này, nên tiếp theo đó tôi đã giải đáp.

–Lành thay, Xá-lợi-phất! Vị Thượng thủ trong các đệ tử của Phật, thường an trú với pháp vị cam lồ. Dù cho các vị phạm hạnh đội Tôn giả Xá-lợi-phất trên đầu mà đi khắp thế gian, từ năm này qua năm khác, cũng không thể báo đáp được ơn ấy chút nào. Ở đây, có chúng sinh nào đến hỏi thăm, thân cận Tôn giả, người ấy sẽ có được nhiều lợi. Chúng tôi cũng được lợi nhiều.

Bấy giờ, hai Hiền giả đàm luận với nhau trong khu vườn ấy như vậy.

Sau khi hai người nghe điều đã được nói, đều hoan hỷ phụng hành.

M

⁶⁸. Câu hỏi này mâu thuẫn với đoạn tường thuật trên. Xem cht. trên.

⁶⁹. Di-đa-na-ni 彌多那尼. Skt. Maitrāyaṇi, nhưng Pāli: Mantāni.

⁷⁰. Nguyên Hán: Đại chủ 大主. Xá-lợi-phất được xưng tụng là vị đại tướng quân của Chánh pháp.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH

Kệ tóm tắt

*Đẳng pháp và Trú đạc
Dụ nước và thành quách
Thức, Quân-đầu, hai luân
Bà-mật và bảy xe.*

